

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: "Ly hôn giữa ông Thanh Tín
và bà Ngọc Thảo".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Hiền

2. Ông Phạm Hồng Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, TP .

2. Bị đơn: Bà **Mai Ngọc T1**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Trần Thanh T** trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2013 được sự đồng ý của cha mẹ gia đình hai bên nên ông và bà **Mai Ngọc T1** đã cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do không

còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn đem lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **Ngọc T1**.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mai Ngọc T1 không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Ông **Trần Thanh T** khởi kiện bà **Mai Ngọc T1** có địa chỉ tại **ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ** với yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, ông **Trần Thanh T** yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà **Mai Ngọc T1** được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Thanh T**, bà **Ngọc T1** theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **Trần Thanh T** và bà **Mai Ngọc T1** tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2019 nên hôn nhân của ông bà có giá trị pháp lý. Ông **Thanh T** khai, trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông và bà **Ngọc T1** phát sinh mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn, nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn đem lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **Ngọc T1**. Còn bà **Mai Ngọc T1**, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để giải quyết, nhưng bà vẫn không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình. Như vậy, bà **Ngọc T1** đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân muốn đem lại hạnh phúc lâu dài cho cả hai vợ chồng thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung

sống với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa bà **Ngọc T1** và ông **Thanh T** có quá nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn. Điều này cho thấy, đời sống chung giữa bà **Ngọc T1** và ông **Thanh T** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Ngoài ra, bà **Ngọc T1** cũng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến được hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Thanh T**.

[2.2] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Trần Thanh T** phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Thanh T** đối với bà **Mai Ngọc T1**.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông **Trần Thanh T** và bà **Mai Ngọc T1**.

1.2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Trần Thanh T** phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông **Thanh T** đã nộp theo biên lai số 0007999 ngày 16 tháng 4 năm 2024 thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, TP.Cần Thơ;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thành Sang